

Bản án số: 144/2025/DS-PT

Ngày: 15/4/2025

V/v “Yêu cầu tuyên bố di chúc
không hợp pháp”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Phan Thị Vân Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 319/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 858/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà **Ngô Thị V**; địa chỉ: **thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**.

2. Bà **Ngô Thị Thu H**, địa chỉ: **ấp G, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước**.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Minh P**, địa chỉ: **thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**. Có mặt.

- Bị đơn: ông **Ngô Văn H1**, địa chỉ: **thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận**. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Lê Anh D**, địa chỉ: **B T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: vắng mặt.

1. Ủy ban nhân dân huyện **T**, tỉnh Quảng Trị.

2. Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.
3. Ông Hồ Xuân H2, địa chỉ: thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
4. Bà Hồ Thị H3, địa chỉ: thôn B, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
5. Bà Hồ Thị L, địa chỉ: thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
6. Ông Hồ Xuân S, địa chỉ: thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
7. Ông Hồ Xuân L1, địa chỉ: thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
8. Ông Hồ Xuân Q, địa chỉ: thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
9. Ông Nguyễn Đức M, địa chỉ: ấp G, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị T, sinh năm 1928 lập gia đình với ông Ngô T1, sinh năm 1929 và sinh ra các con là Ngô Thị V, Ngô Thị H4 (chết năm 2008) và Ngô Thị Thu H. Bà T chết năm 2015. Bố, mẹ và chồng của bà T đã chết trước bà T, bà T không có con riêng, con nuôi nào khác.

Ngày 30 tháng 7 năm 2005, bà T để lại di chúc có nội dung: “Có một ngôi nhà nhỏ tọa lạc trên diện tích đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số: L839468 gồm diện tích đất ở khoảng 200m², diện tích vườn tạp khoảng 750m², diện tích đất 2 lúa: 196m². Nguồn gốc đất là của bà T đã sinh sống và canh tác. Tài sản này bà T để lại cho dòng họ Ngô để làm nơi thờ tự từ đường và nhờ ông Ngô H1, sinh năm 1960, thường trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận (là con trai riêng của chồng bà T) đứng ra xây dựng từ đường, sản xuất để có chi phí thờ cúng (không giao quyền sở hữu). Nếu ông Ngô H1 không thực hiện đúng mục đích sử dụng như ước nguyện thì mảnh đất và nhà nêu trên được trả lại cho ba người con gái là: Ngô Thị V, Ngô Thị H4, Ngô Thị H (Ngô Thị Thu H) để 3 người con gái ruột tự thỏa thuận với nhau”. Tuy nhiên, sau khi bà T chết, bà V và bà H thấy có một số điểm trái với quy định trong Bộ luật Dân sự, cụ thể: Tại thời điểm lập di chúc, bà T bị lãng tai, không còn minh mẫn, không biết chữ nên điểm chỉ, người thực hiện việc chứng thực là UBND xã T không ghi điểm chỉ ngón tay nào, không có người làm chứng theo quy định về lập di chúc theo Bộ luật Dân sự; Bản di chúc ghi đầu đề lập ngày 29/7/2005 nhưng phần ký ghi ngày 30/7/2005 (ngày thứ bảy) không trùng vào thời gian làm việc của cơ quan nhà nước; không có lời chứng của người làm chứng; tên tuổi của những người đứng tên trong di chúc không đúng. Về vấn đề thờ tự chỉ có bà Ngô Thị V (ở G, T) và anh em trong nhà lo lắng việc thờ cúng. Ông H1 vào Bình Thuận từ năm 1980.

Việc ông H1 làm sổ đỏ năm 2018 thì bà V, bà H hoàn toàn không biết, đến phiên tòa sơ thẩm phía bị đơn cung cấp hồ sơ cấp giấy CNQSD đất thì mới biết ông H1 đã được cấp giấy CNQSD đất, việc ông H1 sửa chữa nhà là thực hiện mục

đích cá nhân của ông. Sau khi bà T mất, có làm thêm mái che phía trước nhà và bộ cửa nhưng không nhớ rõ thời gian, không biết ai làm nhưng không phải của bà V và bà H làm. Ngoài ra, không tu sửa bất cứ vấn đề gì của ngôi nhà.

Đối với yêu cầu hủy giấy CNQSD đất cấp cho ông Ngô Văn H1: Theo Công văn của UBND huyện T trả lời: Ông Đinh Cao C đã nghỉ hưu nhưng vẫn ký vào hồ sơ cấp đất là không đúng; trong hồ sơ cấp giấy CNQSD đất xuất hiện bản di chúc có ý kiến của bà V, bà H là không đúng, bà V, bà H không ký vào bản di chúc có trong hồ sơ cấp đất.

Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố di chúc của bà Trần Thị T được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 30/7/2005 vô hiệu.

- Hủy giấy CNQSD đất số CI 714341 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 29/6/2018 cho ông Ngô Văn H1.

Tại văn bản trình bày ý kiến, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

- Về nguồn gốc thửa đất trong di chúc của bà Trần Thị T: Thửa đất theo GCNQSD đất số L 839468 có diện tích 1.139m² (trong đó có 200m² đất ở) do UBND huyện T cấp ngày 12/7/1998 cho bà Trần Thị T tại thôn G, xã T, huyện T được nêu trong di chúc có nguồn gốc của cố nội ông H1 tên là Ngô Thế N từ xã V, huyện V vào làng G lập nghiệp, khai hoang, sinh sống. Đến đời ông nội là Ngô Thế V1 (Ngô C1), sinh năm 1910 có 04 người con là Ngô T1 (sinh năm 1929, là ba của ông H1) và 03 người con gái: Ngô Thị N1, Ngô Thị C2, Ngô Thị Đ. Năm 1952, ông Ngô Thành kết H5 với bà Trần Thị T và về cùng ở với ông bà nội ông H1 trên thửa đất này trong ngôi nhà gỗ do ông bà nội tạo dựng và sinh hạ được 03 người con gái: Ngô Thị V, Ngô Thị H4 (đã chết), Ngô Thị Thu H. Do không có con trai nối dõi nên ông bà nội ông H1 giục ông Ngô Thành L2 bà Hoàng Thị G (người trong làng) và sinh ra Ngô Văn H1, sinh năm 1960 (ông bà nội chết năm 1972). Chính thửa đất này đến năm 1998 UBND huyện T giao cho bà Trần Thị T (văn bản của UBND xã T ngày 12/12/2022 cũng xác định điều này).

Về hình thức của bản di chúc: Người khởi kiện cho rằng tại thời điểm lập di chúc bà T bị lằng tai, không minh mẫn là không đúng. Nội dung của di chúc thể hiện đúng nguyện vọng của bà T, của dòng họ N2 mà bà T là người con dâu đang sử dụng di sản, điều này chứng tỏ khi lập di chúc bà T minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép. Mặt khác, di chúc này được người con rể (chồng bà Ngô Thị Thu H) là ông Nguyễn Minh C3 bà T đến UBND xã T chứng thực (theo lời kể của ông Trần Đức N3 - Phó Chủ tịch UBND xã - người chứng thực vào di chúc – ông N3 kể lại sự việc với ông Nguyễn C4 là người làm chứng và ông Lê Anh D là người đại diện theo ủy quyền tại nhà ông N3 vào ngày 28/10/2023). Tại thời điểm chứng thực ngày 30/7/2005 có ông Nguyễn C4 là con

traí của ông Nguyễn T2 chở ông T2 (ông T2 là bà con bên ngoại của ba ông H1) đến chứng kiến nhưng do sơ suất của UBND xã đã không đưa ông Nguyễn M, Nguyễn T2, Nguyễn C4 vào di chúc và ký người làm chứng.

Về nội dung di chúc: Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Tại thời điểm lập di chúc, bà T là con dâu của dòng họ N2 đang sử dụng di sản là người có quyền lập di chúc dành phần tài sản trong khối di sản vào việc thờ cúng không được chia; phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 645 Bộ luật Dân sự 2015. Nội dung di chúc thể hiện: “Hiện nay tôi có ngôi nhà nhỏ tọa lạc trên diện tích đất có giấy CNQSD đất mang số: L839468, 200m2 đất ở, 743m2 đất vườn tạp, 196m2 đất hai lúa. Đây là mảnh đất mà dòng họ N2 đã sinh sống từ lâu đời. Tôi có nguyện vọng vào cuối đời là sau khi tôi qua đời tôi xin để lại toàn bộ căn nhà và diện tích đất trên cho dòng họ Ngô để làm nơi thờ tự, từ đường của dòng họ. Đại diện dòng họ đứng ra nhận và sử dụng mảnh đất, ngôi nhà là con trai của chồng tôi: Ngô Văn H1...Về mục đích của diện tích đất và nhà ở trên con trai Ngô Văn H1 chỉ được phép sản xuất và xây dựng từ đường phục vụ cho việc thờ tự ông bà tổ tiên của dòng họ Ngô”. Đây là mục đích mà ý chí và nguyện vọng của bà Trần Thị T để lại.

Về việc thực hiện di chúc: Năm 2015, khi bà T mất, ông H1 cùng về lo đám tang cho bà T thì bà V là người giữ di chúc và giấy CNQSD đất, bà đã công bố di chúc cho ông H1 và mọi người trong gia đình cùng nghe. Do trong di chúc này bà T đã chỉ định giao cho ông H1 là cháu trai trưởng dòng họ Ngô quản lý di sản để thực hiện việc thờ cúng không được chia nên trong quá trình quản lý di sản ông H1 đã tôn tạo di sản ngày càng đẹp và khang trang hơn như làm thêm sân, vòm, đường bê tông vào nhà, số tiền đầu tư này do em gái của ông H1 là bà Ngô Thị Thu N4 đang sống ở Mỹ gửi về 4.000 USD Mỹ và năm 2020 một người em gái khác là Ngô Thị Thu T3 cũng ở Mỹ đã gửi tiền về cho bà V để tu sửa lại mái ngói, sơn mới nhà tổng chi phí khoảng 40 triệu đồng. Mặt khác, trong những năm qua ông H1 đã bỏ tiền ra quy tập và xây mới lăng mộ của ông bà dòng họ; hằng năm tu sửa, quét sơn mới lăng mộ và làm giỗ cho ông bà, cũng như lo tảo mộ 03 năm một lần. Như vậy, trong thời gian qua với tư cách là người được chỉ định quản lý, sử dụng di sản theo di chúc, ông H1 đã thực hiện đúng theo di chúc, phong tục, tập quán của dòng họ, địa phương và quy định của pháp luật (có giám sát và xác nhận của UBND xã T tại văn bản ngày 12/12/2022). Chìa khoá cửa của ngôi nhà này ông H1 giao lại cho bà Ngô Thị K (bà Con) em ruột của ba anh H1 để mở cửa hương khói.

Do quá trình thực hiện tốt đúng theo di chúc của bà T nên năm 2017, hai chị em bà V và bà H đã gọi ông H1 về quê để làm thủ tục sang tên người sử dụng đất và tài sản trên đất, tại hồ sơ này bà V, bà H cũng đã ghi ý kiến của mình vào dưới di chúc đó là: “Cùng đồng thuận với di nguyện của mẹ, các con Ngô Thị V, Ngô

Thị H4 (chết), Ngô Thị H ký”, có chứng thực y sao của UBND xã T do ông Nguyễn Xuân T4 Chủ tịch xã ký ngày 05/4/2017. Trên cơ sở đó UBND xã, địa chính xã đã làm hồ sơ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên đất cho ông H1. Ngày 29/6/2018, UBND huyện T đã cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CI 714341 cho Ngô Văn H1. Nhưng do bà V đang giữ giấy CNQSD đất cũ của bà T nên ông H1 chưa nhận được giấy CNQSD đất mới này.

Năm 2021, do các cửa ra vào của ngôi nhà bị hư hỏng nên ông H1 cùng các em ở Mỹ gửi về 1.500 USD để làm lại các cửa ra vào bằng gỗ như hiện nay. Việc làm mới các cửa này ông H1 đã giao tiền cho cháu Hoàng Công T5 (con của bà V) để thuê cháu làm, sau khi làm cửa mới xong cháu T5 chưa giao lại chìa khoá nhà cho ông H1 đến năm 2022 bà V, bà H khởi kiện ra Tòa án yêu cầu “không công nhận hiệu lực của di chúc và chia di sản thừa kế”.

Như vậy, di chúc của bà Trần Thị T lập ngày 30/7/2005 có chứng thực của UBND xã T, tuy có thiếu sót về hình thức như: Không có người làm chứng, không ghi điểm chỉ ngón tay nào của bà T, nhưng nội dung di chúc đã xác định di sản để lại trong di chúc là của dòng họ N2, mục đích ý chí và nguyện vọng của bà T mong muốn là sau khi bà qua đời xin để lại toàn bộ căn nhà và diện tích đất cho dòng họ Ngô để làm nơi thờ tự, từ đường của dòng họ và chỉ định ông Ngô Văn H1 là người quản lý, sử dụng vào việc thờ tự. Và thực tế ý nguyện của bà T cũng đã được các đồng thừa kế đồng thuận tại văn bản có chứng thực của UBND xã T ngày 05/4/2017. Mặt khác, trong 8 năm qua sau khi bà T chết, ông H1 tuy đang ở xa nhưng đã thực hiện tốt ý nguyện của di chúc, cụ thể được thể hiện xác nhận trong văn bản trình bày ngày 12/12/2022 của UBND xã T và thực tế bà V cũng thừa nhận sau khi bà T chết ông H1 đã nhiều lần gửi tiền về để sửa sang nhà cửa khang trang hơn đảm bảo cho việc thờ tự ở ngôi nhà mà bà T để lại, nhưng cho rằng đó là tiền ông H1 cho bà V. Đến năm 2018, ông H1 đã được UBND huyện T cấp giấy CNQSD đất số CI 714341 nhưng do bà V chưa giao cho ông H1 giấy CNQSD đất cũ của bà T nên ông H1 chưa nhận được giấy CNQSD đất mới này. Theo quy định tại Điều 129 BLDS 2015: “Giao dịch dân sự vi phạm quy định điều kiện có hiệu lực về hình thức thì vô hiệu, trừ các trường hợp sau đây: 2. Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực”.

Bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết công nhận nội dung di chúc của bà Trần Thị T lập ngày 30/7/2005 có hiệu lực. Giao di sản của bà Trần Thị T để lại gồm diện tích 1.139m2 đất theo giấy CNQSD đất số L839468 cùng tài sản trên đất cho

ông **Ngô Văn H1** quản lý, sử dụng vào việc thờ cúng dòng họ Ngô tại **thôn G, xã T** theo đúng mục đích mà ý chí và nguyện vọng của bà **Trần Thị T** nêu trong bản di chúc lập ngày 30/7/2005 để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Tại Biên bản xác minh ngày 18/7/2024, bà **Trương Thị Kim C5** – Chủ tịch UBND xã **T** trình bày:

Ngày 30/7/2005, UBND xã **T** có ký Bản chứng thực bản di chúc của bà **Trần Thị T**, sinh ngày 08/02/1928, trú tại **thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**. Bản chứng thực bản di chúc của bà **Trần Thị T** không được lưu trữ tại UBND xã **T**, mặc dù các bản chứng thực khác có lưu trữ tại UBND xã. Việc bản di chúc này có 01 bản hay 02 bản thì UBND xã không nắm rõ, không biết, chỉ người chứng thực vào bản di chúc mới biết được di chúc này có bao nhiêu bản. Việc có 01 bản di chúc có ghi phía cuối tờ di chúc về việc cùng đồng thuận với di nguyện của mẹ, các con: **Ngô Thị V, Ngô Thị H4, Ngô Thị H** là không đúng quy định của pháp luật, phần này các bên tự ghi vào. Nếu các con của bà **T** ký thêm vào di chúc thì phải có xác nhận của chính quyền địa phương.

Về hình thức của di chúc không đúng quy định của pháp luật, về việc chứng thực di chúc của bà **T** không được ghi vào sổ đúng quy định. Về quá trình thực hiện di chúc thì UBND xã không biết việc sửa chữa, thờ cúng tại nhà bà **T** là do ai thực hiện. Trên đất đó, ông **H1** không trực tiếp canh tác và ở trên đất này.

Đối với hợp đồng lao động với ông **Đinh Cao C** (công chức địa chính) thì UBND xã ký hợp đồng lao động là sai thẩm quyền.

Ngày 12/12/2022, ông **Nguyễn Hữu P1** – Phó Chủ tịch UBND xã ký Công văn số 220/CV gửi TAND huyện Triệu Phong có nội dung không đảm bảo nên UBND xã xin thu hồi lại Công văn này.

Ngoài ra, ngày 05/5/2022 ông **H1** có làm bản di chúc để lại di sản là ngôi nhà và đất đai bà **T** để lại cho bốn người con: **Ngô Văn L3, Ngô Thế Gia L4, Ngô Thế K1, Ngô Thế H6** và ông **Nguyễn Hữu P1** là Phó Chủ tịch UBND xã đã chứng thực.

Sau khi kiểm tra toàn bộ hồ sơ thủ tục liên quan đến bản di chúc của bà **Trần Thị T**, UBND xã đã làm thông báo gửi ông **H1** về việc chứng thực lời chứng không đúng; làm công văn gửi **Phòng T6**, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện **T** về việc thu hồi giấy CNQSD đất của ông **Ngô Văn H1** do trình tự, thủ tục không đúng quy định.

2. Theo văn bản số 3897/UBND-TN ngày 27/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện **T** trình bày:

Thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Ngày 12/05/1998, UBND huyện **T** ban hành Quyết định số

59/QĐ-UB về việc cấp giấy CNQSD đất cho 378 hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện ở xã T, trong đó có hộ bà Trần Thị T. Theo đó, UBND huyện T cấp giấy CNQSD đất số L 839468 cho hộ bà Trần Thị T, ở xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị với tổng diện tích 1.139m², bao gồm 02 thửa đất, trong đó thửa đất số 148, tờ bản đồ số 06 (hệ tọa độ HN72), mục đích sử dụng: đất ở 200m², đất vườn: 743m².

Ngày 29/7/2005, bà Trần Thị T lập bản di chúc để lại cho ông Ngô Văn H1 sử dụng diện tích đất trên giấy CNQSD đất số L 839468 và đã được UBND xã T chứng thực ngày 30/7/2005.

Thực hiện dự án: Đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy CNQSD đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện T: Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 06 (hệ tọa độ HN 72) được đo đạc thành thửa đất số 377, tờ bản đồ số 03 (hệ tọa độ VN B) với diện tích 966m².

Sau khi đã được đo đạc lập bản đồ địa chính mới; ngày 04/4/2017, ông Ngô Văn H1 kê khai cấp đổi Giấy chứng nhận, được UBND xã T xác nhận với nội dung: “Sử dụng ổn định, đủ điều kiện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”; Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, lý do biến động: “Thừa kế theo bản di chúc lập ngày 30/7/2005” và đã được UBND xã T ký xác nhận.

Ngày 30/5/2018, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện T thẩm tra đủ điều kiện cấp đổi và đã được UBND huyện T cấp giấy CNQSD đất số CI 714341 ngày 29/6/2019 cho ông Ngô Văn H1 tại thửa đất số 377, tờ bản đồ số 03 (hệ tọa độ VN B) thuộc xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị với diện tích 966m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 200m², đất trồng cây hàng năm khác 766m².

Như vậy, về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và căn cứ cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 714341 ông Ngô Văn H1 tại thửa đất số 377, tờ bản đồ số 03 đúng theo quy định Luật Đất đai năm 2013; Điều 76, Điều 79 của Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Công văn số 1894/UBND-TN ngày 24/5/2016 của UBND tỉnh Q.

Tuy nhiên, giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 714341 mà UBND huyện T cấp cho ông Ngô Văn H1 – là người thừa kế theo Bản di chúc được UBND xã T chứng thực ngày 30/7/2005. Hiện nay, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đang xem xét tính hợp pháp của Bản di chúc để giải quyết theo yêu cầu của bà Ngô Thị V; địa chỉ: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị và bà Ngô Thị Thu H; địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, UBND huyện T căn cứ theo bản án có hiệu lực pháp luật để thực hiện.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức M trình bày:

Ông M là chồng của bà Ngô Thị Thu H, con rể của bà T, ông không chở bà T đến UBND xã T để ký chứng thực di chúc cho bà T. Ông không biết đánh máy tính, không soạn sẵn di chúc của bà T, tại thời điểm ngày 30/7/2005 ông không có mặt tại Quảng Trị. Do đó, các thông tin phía bị đơn đưa ra là bịa đặt, không có căn cứ, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Xuân H2 trình bày:

Đối với yêu cầu của bà Ngô Thị V và Ngô Thị Thu H về việc yêu cầu Tòa án xem xét tuyên bố bản di chúc đánh máy của bà Trần Thị T lập ngày 29/7/2005, được UBND xã T chứng thực vào ngày 30/7/2005 là không hợp pháp do bản di chúc này lập không đúng hình thức, trình tự thủ tục do BLDS quy định. Ông H2 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V và bà H.

Về việc ông Ngô Văn H1 tự ý làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất của bà ngoại ông H2 (bà T) sang tên riêng cho ông Ngô Văn H1, ông H2 đề nghị TAND tỉnh Quảng Trị xem xét hủy giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Ngô Văn H1 (giấy CNQSDĐ số CI 714341 do UBND huyện T cấp cho ông Ngô Văn H1 ngày 29/6/2018). Lý do: bà ngoại ông H2 có ba người con là Ngô Thị V, Ngô Thị Thu H và mẹ đẻ ông H2 là Ngô Thị H4, mất năm 2008. Nếu thửa đất này muốn chuyển dịch sang cho người khác thì phải được giải quyết vấn đề thừa kế, trong đó có phần thừa kế của ông H2 được hưởng từ di sản của bà ngoại. Nhưng chưa có ý kiến của ông H2 mà thửa đất và nhà ở của bà ngoại được chuyển sang cho ông Ngô Văn H1 là vi phạm pháp luật. Vì vậy, trình tự thủ tục chuyển từ tên bà ngoại tôi sang tên ông Ngô Văn H1 đã vi phạm nhiều thủ tục như hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận không thu hồi bản chính giấy CNQSD đất đã cấp, địa chính xã T đã nghỉ hưu nhưng vẫn ký vào hồ sơ, những người con của bà T không được ký vào bản di chúc của bà T với bất kỳ lý do gì, chỉ bà T mới là người được sửa chữa, bổ sung và ký vào bản di chúc của chính mình lập ra, trong đó đặc biệt có thủ tục giải quyết vấn đề thừa kế di sản của bà ngoại ông H2 liên quan đến quyền lợi của ông H2 nhưng chưa được giải quyết. Do đó, ông H2 đề nghị Tòa án hủy quyết định cá biệt là giấy CNQSD đất số CI 714341 do UBND huyện T cấp cho ông Ngô Văn H1 ngày 29/6/2018.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H3, bà Hồ Thị L, ông Hồ Xuân S, ông Hồ Xuân L1, ông Hồ Xuân Q trình bày: Bà Trần Thị T là bà ngoại của họ, có để lại một tờ di chúc nhưng khi lập di chúc thì bà T không minh mẫn. Họ đồng ý với các nội dung trong thông báo thụ lý vụ án Tòa án đã gửi cho họ. Họ đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, không phân chia di sản thừa kế của bà T để lại mà gia đình tự thỏa thuận với nhau và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt họ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 649, Điều 655, khoản 2 Điều 656, Điều 659, Điều 661 BLDS 1995; Điều 122, Điều 124, Điều 127, Điều 652, Điều 653, Điều 656 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 117, Điều 119, Điều 122, khoản 2 Điều 129, Điều 624, khoản 3 Điều 630, Điều 634, Điều 636 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 19, Điều 22 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 43, Điều 61 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ; điểm c khoản 3 Thông tư số 03/2001/TT-TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp; khoản 2 Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Tuyên bố di chúc do bà **Trần Thị T** lập ngày 29/7/2005, được Ủy ban nhân dân xã **T** chứng thực ngày 30/7/2005 là không hợp pháp.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 714341 ngày 29/6/2018 do UBND huyện **T** cấp mang tên ông **Ngô Văn H1**.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2024, ông **Ngô Văn H1** kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận Di chúc do bà **Trần Thị T** lập ngày 30/10/2024 là hợp pháp.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **Ngô Văn H1**; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của ông **Ngô Văn H1**; nhận thấy:

[1.1]. Về nguồn gốc di sản: Di sản bà **T** để lại là ngôi nhà và quyền sử dụng đất theo giấy CNQSD đất số L 839468 do UBND huyện **T** cấp ngày 12/7/1998 mang tên hộ bà **Trần Thị T**. Tại thời điểm cấp đất, hộ bà **T** chỉ có bà **T** là chủ hộ và là thành viên duy nhất.

Đối với ông **Ngô Thành C6** sống không đăng ký kết hôn với bà **T** năm 1952, sinh được 03 người con nên được công nhận là hôn nhân thực tế nhưng ông **T1**, bà **T** đã không chung sống với nhau từ năm 1964, nên hôn nhân thực tế cũng đã chấm dứt từ thời điểm đó (áp dụng Án lệ số 41/2021/AL “về chấm dứt hôn nhân thực tế”) và từ sau năm 1964, ông **T1** cũng không có đóng góp gì đối với tài sản này; do đó xác định tài sản của một mình bà **T**, nên bà **T** có quyền đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình.

[1.2]. Xét tính hiệu lực của di chúc:

- Bà **T** là người không biết chữ, theo quy định tại khoản 3 Điều 655 Bộ luật Dân sự năm 1995 “Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có chứng nhận của công chứng Nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn”; Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 1995 “Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc, thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc”; Điều 661 Bộ luật Dân sự năm 1995 “1. Người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc trước Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ký vào bản di chúc; 2. Trong trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được, thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã phường, thị trấn, người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã phường, thị trấn chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng”. Tuy nhiên, bản di chúc này không có người làm chứng theo quy định.

- Khoản 2 Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 1995 “...nếu di chúc gồm nhiều trang, thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc”. Bản di chúc không được đánh số trang theo quy định.

- Điểm c khoản 3 Mục I Thông tư số 03/2001/TT-TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp quy định: “Khi điểm chỉ, người yêu cầu công chứng, chứng thực sử dụng ngón trỏ phải; nếu không thể điểm chỉ bằng ngón trỏ phải, thì phải điểm chỉ bằng ngón trỏ trái; trường hợp không thể điểm chỉ bằng hai ngón trỏ đó, thì điểm chỉ bằng ngón khác; sau khi điểm chỉ phải ghi rõ việc điểm chỉ bằng ngón

nào, của bàn tay nào”. Bản di chúc đã không thể hiện điểm chỉ ngón nào của người lập di chúc.

Căn cứ các quy định của pháp luật nêu trên, thì việc UBND xã T chứng thực Bản di chúc không tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 03/3/2023 (BL162), ông Trần Đức N3 (nguyên Phó Chủ tịch UBND xã T trình bày: “Di chúc bà Trần Thị T lập 2005 là do tôi chứng thực ...Điểm chỉ trong Di chúc là do bà T điểm chỉ khi cán bộ UB xã Triệu Độ trình ký thì tôi ký chứng thực. Ngoài ra không có ai làm chứng trong việc chứng thực di chúc...Còn ai đánh máy di chúc và lập di chúc cho bà T thì tôi không biết”.

- Tại Biên bản xác minh ngày 29/3/2023 (BL 221-222), ông Trần Đức H7 (công chức tư pháp xã T), trình bày: “Bản di chúc bà Trần Thị T lập ngày 29/7/2005...tôi không trực tiếp tham mưu, giúp ông Trần Đức N3 chứng thực...Thời gian này tôi đang đi học...

Về sổ sách lưu trữ chứng thực: Tại sổ chứng thực di chúc, từ chối nhận di sản, quyển số 1 mở ngày 01/01/2005 thì chỉ có duy nhất một trường hợp chứng thực di chúc là bà Đinh Thị Đ1 ... Ngoài ra, sổ chứng thực không thể hiện có trường hợp chứng thực di chúc của bà Trần Thị T. Hiện UBND xã T không lưu trữ bất kỳ một bản di chúc nào của bà Trần Thị T”.

Với các nội dung viện dẫn và phân tích trên, án sơ thẩm tuyên bố Di chúc của bà T được chứng thực ngày 30/7/2005 không hợp pháp và tuyên hủy giấy CNQSD đất số CI 714341 do UBND huyện T cấp ngày 29/6/2018 cho ông Ngô Văn H1, là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Ngô Văn H1 kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Ngô Văn H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Ngô Văn H1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Ngô Văn H1 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0000179 ngày 28/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (do ông [Lê Anh D](#) nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tào

